

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST
Ngày: 05-02-2021
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Trung.

2. Ông Phạm Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Nữa – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Phương L, sinh năm 1994. (có mặt)

Cư trú tại: Khóm 4, thị t, huyện N, tỉnh C ..

2. *Bị đơn:* Vợ chồng anh Võ Thành T1, sinh năm 1992 và chị Lâm Bích T2, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Khóm 1, thị t, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Phạm Phương L trình bày:*

Vào tháng 03 năm 2020, chị L cho vợ chồng anh T1 vay 02 lần với tổng số tiền là 60.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận, việc vay tiền thì anh T1 có lập giấy mượn tiền và trực tiếp ký và nhận 50.000.000 đồng vào ngày 02 tháng 3 năm

2020 và sau đó khoản vài ngày thì tiếp tục vay thêm 10.000.000 đồng, không có thỏa thuận thời gian trả số tiền vốn vay, hàng tháng thì đóng lãi.

Sau khi vay tiền thì vợ chồng anh T1 không thực hiện thỏa thuận là trả lãi hàng tháng, đồng thời không trả vốn vay.

Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Võ Thành T1 và chị Lâm Bích T2 trả số tiền vốn vay là 60.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ tháng 3/2020 cho đến nay. Ngoài ra, chị L không yêu cầu gì khác.

* Vợ chồng anh Võ Thành T1 và chị Lâm Bích T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vợ chồng anh T1 và chị T2 không có văn bản nộp cho Tòa án trình bày ý kiến của mình về việc chị L yêu cầu thanh toán tiền vốn vay và lãi suất, cũng không tham gia phiên họp và hòa giải.

** Tại phiên tòa:*

- Chị Phạm Phương L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Võ Thành T1 và chị Lâm Bích T2 trả lại số tiền vốn vay là 60.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ tháng 3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Vợ chồng anh Võ Thành T1 và chị Lâm Bích T2 vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L, buộc vợ chồng anh T1 và chị T2 phải trả cho chị L tổng số tiền vốn vay là 60.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ khi vay đến ngày xét xử sơ thẩm; Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng anh T1 và chị T2 phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vợ chồng anh Võ Thành T1 và chị Lâm Bích T2 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần 2, nhưng vợ chồng anh T1 và chị T2 vẫn vắng mặt không lý do; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Võ Thành T1 và chị Lâm Bích T2.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị L cho vợ chồng anh T1 và chị T2 cư trú tại: khóm 1 – thị trấn Rạch Gốc – huyện Ngọc Hiển vay tiền, lãi suất theo thỏa thuận, không thỏa thuận thời gian trả vốn. Như vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu của chị Phạm Phương L: Vào tháng 3 năm 2020 chị L có cho vợ chồng anh T1 và chị T2 hỏi vay 02 lần với tổng số tiền là 60.000.000 đồng, việc hỏi vay tiền phía anh T1 đã trực tiếp ký vào giấy mượn tiền. Sau khi vay, thì anh T1 không thực hiện việc đóng lãi và trả vốn vay. Nay chị L yêu cầu vợ chồng anh T1 và chị T2 trả số tiền vốn vay và lãi suất theo quy định từ khi vay đến ngày xét xử.

Căn cứ vào tất cả tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Việc chị L cho anh T1 vay với tổng số tiền 60.000.000 đồng là thực tế xảy ra, bởi lẽ việc vay tiền có lập giấy nợ và anh T1 trực tiếp ký nhận tiền.

- Việc chị L yêu cầu cả chị T2 cùng có trách nhiệm thanh toán nợ vay là có cơ sở, bởi lẽ: Thời gian vay tiền thì quan hệ hôn nhân giữa anh T1 và chị T2 vẫn còn tồn tại; chị T2 không có việc làm, chỉ ở nhà nội trợ; anh T1 là lao động chính trong gia đình, số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là nghĩa vụ chung, vợ chồng anh T1 và chị T2 phải chịu trách nhiệm liên đới trong việc thực hiện nghĩa vụ do anh T1 xác lập được quy định tại khoản 2 Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Đối với vợ chồng anh Võ Thành T1 và chị Lâm Bích T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và phiên hòa giải nhưng anh chị không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc chị L khởi kiện. Do đó, vợ chồng anh T1 và chị T2 phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Phương L, buộc vợ chồng anh Võ Thành T1 và chị Lâm Bích T2 phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho chị L số tiền vốn vay còn nợ là 60.000.000 đồng và lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự từ tháng 03/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (tháng 02/2021) = 60.000.000 đồng x 20%/năm (1,67%/tháng) x 11 tháng = 11.022.000 đồng.

Trường hợp vợ chồng anh T1 và chị T2 chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật trên số tiền vốn vay.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc vợ chồng anh Võ Thành T1 và chị Lâm Bích T2 phải chịu án phí với số tiền = 71.022.000 đồng x 5% = 3.550.000 đồng (*Ba triệu năm trăm năm ngàn đồng, tính tròn số*) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền.

- Do yêu cầu khởi kiện của chị L được chấp nhận toàn bộ, nên chị L được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Các Điều 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Phương L đối với vợ chồng anh Võ Thành T1 và chị Lâm Bích T2 về việc thanh toán tiền vay.

Buộc vợ chồng anh Võ Thành T1 và chị Lâm Bích T2 phải có trách nhiệm thanh toán cho chị Phạm Phương L số tiền vốn vay còn nợ là 60.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định pháp luật từ tháng 03/2020 đến 02/2021 là 11.022.000 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng anh T1 và chị T2 chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án trên số tiền vốn vay nêu trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc vợ chồng anh Võ Thành T1 và chị Lâm Bích T2 phải chịu án phí với số tiền là 3.550.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền.

- Phần chị Phạm Phương L nộp tạm ứng án phí với số tiền là 1.605.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006374 ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền, nay chị L được nhận lại toàn bộ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tuấn